



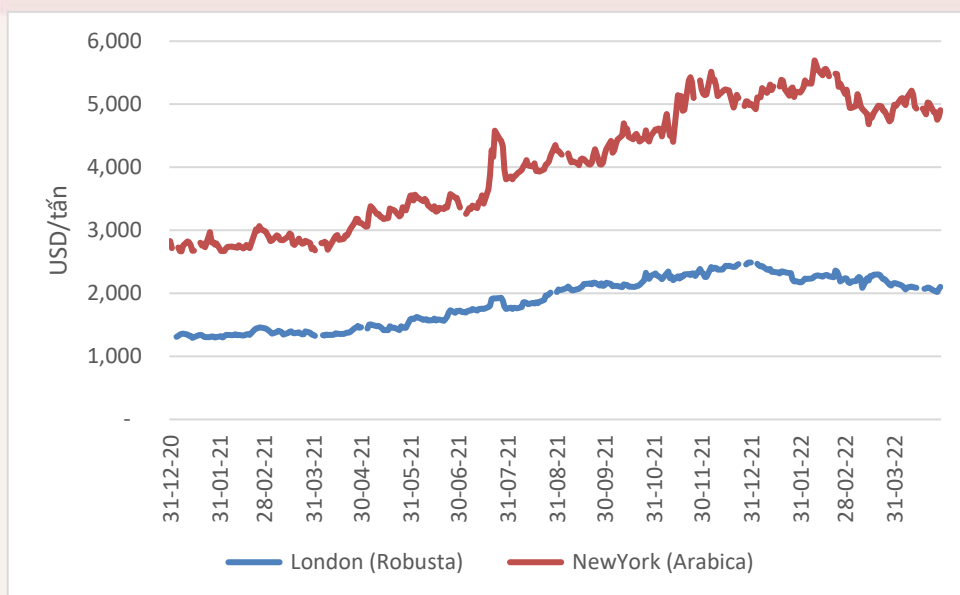
Tuần 17
(25.04.2022 – 29.04.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T7/2022 giảm 1,42% so với tuần trước xuống mức bình quân 2.053 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2022 giảm 2,04% so với mức giá tuần trước xuống mức bình quân 4.840 USD/tấn.
- ❖ Từ tháng 10 năm ngoái đến tháng 2 năm nay, xuất khẩu cà phê của khu vực Nam Mỹ giảm 14,5% xuống còn 25 triệu bao.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của khu vực châu Á và châu Đại Dương tăng 21,6%, đạt 18,7 triệu bao trong 5 tháng đầu niên vụ 2021-2022.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 7/2022 diễn biến giảm nhẹ trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.053 USD/tấn, giảm 1,42% so với tuần trước, và tăng 40,61% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.104 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.021 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 7/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.840 USD/tấn, giảm 2,04% so với mức giá tuần trước và tăng 53,89% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.906 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.755 USD/tấn.

Theo Tổ chức cà phê Quốc tế (ICO), từ tháng 10 năm ngoái đến tháng 2 năm nay, xuất khẩu cà phê của khu vực Nam Mỹ giảm 14,5% xuống còn 25 triệu bao.

Trong quãng thời gian này các lô hàng xuất khẩu từ Brazil chỉ đạt 17 triệu bao, giảm mạnh 20,3% so với 21,3 triệu bao của niên vụ trước. Xuất khẩu của Brazil, nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới sụt giảm do các vấn đề về chuỗi cung ứng, tình trạng thiếu container và tắc nghẽn vận chuyển. Mặt khác, Brazil cũng có một vụ mùa nhỏ hơn theo chu kỳ hai năm một lần của cây cà phê arabica.

Xuất khẩu cà phê của Colombia, nước xuất khẩu cà phê lớn thứ ba thế giới cũng ghi nhận mức giảm 10,5% xuống còn 5,3 triệu bao, do điều kiện thời tiết bất lợi kéo dài làm giảm nguồn cung.

Trong khi đó, xuất khẩu cà phê của khu vực châu Á và châu Đại Dương tăng 21,6%, đạt 18,7 triệu bao trong 5 tháng đầu niên vụ 2021-2022.

Xuất khẩu của Việt Nam, nước xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới đạt 11,6 triệu bao, tăng mạnh 19,1%. Mức tăng này một phần là bởi cùng kỳ năm ngoái xuất khẩu của Việt Nam ở mức thấp do các vấn đề về hậu cần, thiếu hụt container, chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao và tắc nghẽn cảng biển tại các thị trường xuất khẩu chính là Mỹ và châu Âu.

Đáng chú ý là xuất khẩu cà phê của Ấn Độ tăng tới 48,8% lên mức 2,8 triệu bao trong 5 tháng đầu niên vụ 2021-2022.

Ngoài ra, xuất khẩu cà phê của Indonesia tăng 16,5% lên 3,6 triệu bao. Mức tăng này là nhờ vào sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành công nghiệp cà phê hòa tan. Indonesia đã xuất khẩu 1,1 triệu bao cà phê hòa tan trong giai đoạn từ tháng 10 năm ngoái đến tháng 2 năm nay so với 0,7 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2020-2021.

Trên thực tế, xuất khẩu cà phê hòa tan của Indonesia cũng đã tăng gần gấp đôi so với mức 0,6 triệu bao đạt được trong cùng kỳ niên vụ 2017-2018.

Xuất khẩu cà phê của khu vực châu Phi trong 5 tháng đầu niên vụ 2020-2021 giảm nhẹ xuống còn 5 triệu bao so với 5,1 triệu bao của niên vụ trước.

Xuất khẩu cà phê của Uganda, nước xuất khẩu lớn nhất tại châu Phi tăng nhẹ 100.000 bao lên 2,4 triệu bao. Tuy nhiên, sản lượng giảm do hạn hán ở một số vùng trồng cà phê đang khiến xuất khẩu cà phê của nước này giảm xuống. Trong tháng 2, xuất khẩu cà phê của Uganda đã giảm 20,2% so với cùng kỳ xuống còn 449.000 bao.

Trong khu vực này, xuất khẩu cà phê của Ethiopia trong 5 tháng đầu niên vụ 2021-2022 tăng mạnh 24,6% và đạt 1,1 triệu bao. Ngược lại, xuất khẩu cà phê của Tanzania giảm 5,1% xuống 530.000 bao.

Tại khu vực Trung Mỹ và Mexico, xuất khẩu cà phê của khu vực này trong 5 tháng đầu niên vụ 2021-2022 đạt 4,6 triệu bao, tăng 13,4%. Mặc dù vậy, xuất khẩu của khu vực này trong tháng 2 đã giảm 4,1%, xuống còn 1,5 triệu bao.

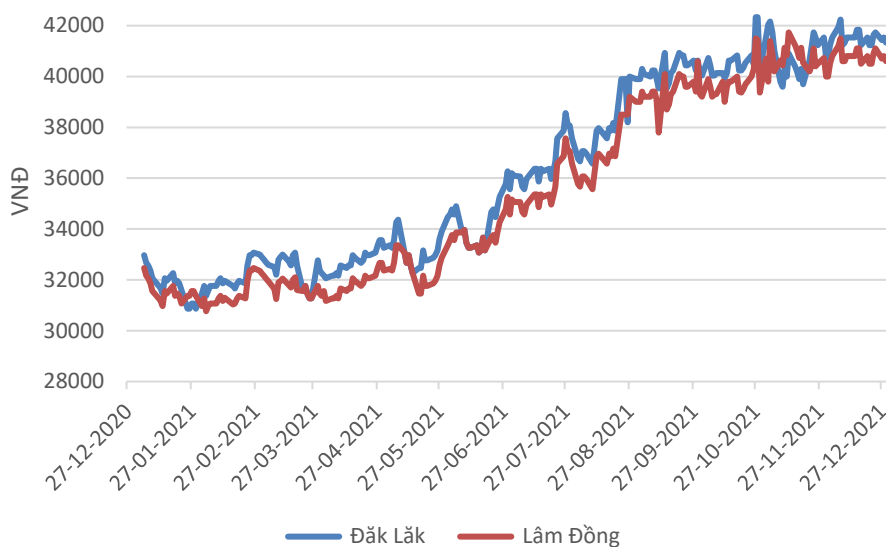
Honduras, nhà sản xuất lớn nhất khu vực chỉ xuất khẩu 503.000 bao cà phê trong tháng 2, giảm 21,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Honduras (AHDECAFE), sản lượng cà phê của nước này giảm do ảnh hưởng bởi chu kỳ sản xuất hai năm một lần và sự xuất hiện của bệnh gỉ sắt trên lá cà phê.

Còn tại Mexico, quốc gia xuất khẩu lớn thứ hai của khu vực đã xuất khẩu 1,2 triệu bao cà phê trong 5 tháng đầu tiên của niên vụ 2021-2022, tăng 12,7% so với cùng kỳ niên vụ trước. Ngoài ra, xuất khẩu cà phê từ Guatemala cũng tăng mạnh 15,5% lên 810.000 bao.

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên giảm nhẹ so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 40.593 đồng/kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 40.240 đồng/kg.
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn giảm 1,00% so với tuần trước xuống mức 2.126 USD/tấn.
- ❖ Ước tính toàn tỉnh Sơn La hiện có gần 18.000 ha trồng cà phê, trong đó hơn 15.000 ha đang cho thu hoạch với sản lượng năm 2022 ước đạt 180.000 tấn quả tươi, tăng hơn 5% so với niên vụ trước.
- ❖ Cà phê là một trong những cây trồng chủ lực của huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với diện tích 19.000 ha, chiếm trên 55% tổng diện tích cây lâu năm trên địa bàn. Vì thế, hội nông dân huyện Đắk R'lấp đã tập trung nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc cà phê cho nông dân.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến giảm nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 40.593 đồng/kg, giảm 0,83% so với tuần trước và tăng 21,66% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta giảm 0,40% so với tuần trước, xuống mức bình quân 40.240 đồng/kg và tăng 23,94% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.126,4 USD/tấn, giảm 1,00% so với tuần trước.

Vụ cà phê vừa qua, nông dân trong xã Chiềng Ban tỉnh Sơn La rất phấn khởi vì cà phê đạt năng suất cao, trung bình 16-17 tấn/ha, lại bán được giá. Các nhà máy, tư thương thu mua giá cà phê bình quân từ 17.000-20.000 đồng/kg cà phê tươi. Trong khi niên vụ 2020-2021 giá cà phê tươi khoảng 10.000 - 15.000 đồng/kg. Đây cũng là mức giá cà phê cao nhất trong khoảng 10 năm trở lại đây.

Chiềng Ban được xem là "thủ phủ" của cây cà phê Sơn La, với diện tích khoảng 1.250ha.

Mặc dù vụ vừa qua thu hoạch trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều nơi giãn cách xã hội, nhưng việc tiêu thụ cà phê của bà con không gặp trở ngại gì đáng kể.

Bao nhiêu cà phê thu hái từ trên nương về đều được thương lái thu mua hết. Nhiều hộ gia đình còn hợp đồng với các doanh nghiệp chế biến bao tiêu sản phẩm, nên bà con trồng cà phê bây giờ rất yên tâm, không còn lo đầu ra như trước.

Ước tính toàn tỉnh Sơn La hiện có gần 18.000 ha trồng cà phê, trong đó hơn 15.000 ha đang cho thu hoạch với sản lượng năm 2022 ước đạt 180.000 tấn quả tươi, tăng hơn 5% so với niên vụ trước.

Hiện tỉnh Sơn La đang phát triển cà phê theo hướng tập trung đầu tư thâm canh, ứng dụng công nghệ thông minh đạt chuẩn quốc tế để tạo năng suất, chất lượng, hiệu quả tốt, đáp ứng yêu cầu của các nhà máy chế biến, doanh nghiệp xuất khẩu.

Với đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng tại Sơn La, cây cà phê Arabica được trồng tại mảnh đất này cho hương vị rất khác biệt với cà phê trồng ở Tây Nguyên hay các vùng khác. Bà con nơi đây ví cà phê như món quà trời ban, bởi chất lượng thơm ngon hảo hạng, khách hàng nước ngoài rất thích.

Hiện nhà máy chế biến cà phê Phúc Sinh Sơn La có công suất thiết kế khoảng 20.000 tấn quả tươi/năm. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có hàng chục nhà máy, cơ sở khác tham gia vào việc tiêu thụ, chế biến cà phê.

Những năm gần đây, Hội Nông dân (HND) huyện Đăk R'lấp tỉnh Đăk Nông đẩy mạnh chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Nhờ đó, hoạt động sản xuất của người dân ngày càng tiến bộ, đạt hiệu quả cao.

Cà phê là một trong những cây trồng chủ lực của huyện Đăk R'lấp, với diện tích 19.000 ha, chiếm trên 55% tổng diện tích cây lâu năm trên địa bàn. Vì thế, HND huyện Đăk R'lấp đã tập trung nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc cà phê cho nông dân.

Chỉ riêng năm 2021, HND các cấp trên địa bàn đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức 32 lớp tập huấn, triển khai mô hình kỹ thuật canh tác cà phê bền vững, thu hút được 1.280 lượt người tham gia.

Điển hình như HND xã Đăk Wer đã liên kết với Nescafe Việt Nam và Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Trang Thịnh Vinh (Đăk R'lấp) tập

huấn, triển khai chương trình phát triển cà phê bền vững theo tiêu chuẩn 4C, với diện tích trên 812 ha.

HND xã Đăk Wer cũng hướng dẫn người dân 3 mô hình tái canh cà phê, với diện tích 1,5 ha. Nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nên vườn cà phê tái canh 4C đều đạt năng suất từ 3-4 tấn/ha, một số vườn trên 5 tấn/ha.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, tình hình nhiễm bệnh trên cây cà phê tính đến 15/04 như sau: (i) Bệnh khô cành: Diện tích nhiễm 7.922 ha (giảm 66 ha so với kỳ trước, giảm 3.832 ha so CKNT), nhiễm nặng 76 ha; đã phòng trừ trong kỳ 8.345 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đăk Lak, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Bình Phước, Đồng Nai, ... (ii) Bệnh gỉ sắt: Diện tích nhiễm 8.358 ha (giảm 209 ha so với kỳ trước, tăng 310 ha so CKNT), diện tích nhiễm nặng 18 ha; đã phòng trừ trong kỳ 15.183 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đăk Lăk, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Bình Phước, Đồng Nai,...

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://danviet.vn/son-la-de-loai-quả-de-gay-nghien-chin-do-tren-cay-ban-duoc-gia-2022042219574966.htm>
8. <http://m.baodaknong.org.vn/nong-nghiep-nong-thon/%C3%B0ak-r-lap-day-manh-huong-dan-ky-thuat-cham-soc-cay-trong-92660.html>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	40,900	39,900	39,900	39,500	41,000	40,240	-160
Bảo Lộc	40,900	39,900	39,900	39,500	41,000	40,240	-160
Di Linh	40,900	39,900	39,900	39,500	41,000	40,240	-160
Lâm Hà	40,900	39,900	39,900	39,500	41,000	40,240	-160
ĐẮK LẮK	41,433	40,433	40,433	40,033	40,633	40,593	-340
Cư M'gar	41,500	40,500	40,500	40,100	40,100	40,540	-460
Ea H'leo	41,400	40,400	40,400	40,000	40,900	40,620	-280
Buôn Hồ	41,400	40,400	40,400	40,000	40,900	40,620	-280
GIA LAI	41,333	40,333	40,333	39,933	40,833	40,553	-280
Pleiku	41,300	40,300	40,300	39,900	40,800	40,520	-280
Chư Prông	41,400	40,400	40,400	40,000	40,900	40,620	-280
La Grai	41,300	40,300	40,300	39,900	40,800	40,520	-280
ĐẮK NÔNG	41,350	40,350	40,350	39,950	40,850	40,570	-280
Đắk R'lấp	41,300	40,300	40,300	39,900	40,800	40,520	-280
Gia Nghĩa	41,400	40,400	40,400	40,000	40,900	40,620	-280
KON TUM	41,400	40,400	40,400	40,000	40,900	40,620	-220
Đắk Hà	41,400	40,400	40,400	40,000	40,900	40,620	-220
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	2,171	2,121	2,109	2,087	2,144	2,126	-21

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn